|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH AN GIANG**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**THAM LUẬN**

**Kết quả triển khai hoàn thiện chính quyền điện tử của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang (Đến tháng 01 năm 2025)**

Tham dự Hội nghị Tổng kết ngành Thông tin và Truyền thông năm 2024; Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tham luận về “**Kết quả triển khai hoàn thiện chính quyền điện tử của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang (Đến tháng 01 năm 2025)**, như sau:

1. **KẾT QUẢ TRIỂN KHAI HOÀN THIỆN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ**

Ngày 07/3/2019, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 17/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025, mục tiêu hoàn thiện nền tảng Chính phủ điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính phủ điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng. Trong đó, Nghị quyết đã giao cho địa phương 21 chỉ tiêu nhiệm vụ để thực hiện hoàn thiện Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm được giao tại Nghị quyết số 17/NQ-CP, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động số 214/KH-UBND ngày 02/5/2019 về thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025 và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ hoàn thiện chính quyền điện tử tỉnh trong các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh như: Quyết định số 618/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 về việc Phê duyệt khung Đề án “An Giang điện tử” giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 về Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030, Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm, hướng đến mục tiêu đến năm 2025 90% cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử.

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025[[1]](#footnote-1) của Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã đề ra chỉ tiêu *“Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử: đạt 90%”.*

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã đề ra **16** chỉ tiêu, trong đó, tại chỉ tiêu thứ 14, Đại hội đề ra chỉ tiêu *“Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thành chính quyền điện tử đến năm 2025 đạt 90%”* được giao cho ngành Thông tin và Truyền thông phụ trách triển khai thực hiện.

***Kính thưa Quý vị đại biểu!***

**Thực hiện mục tiêu trên, đến nay An Giang đạt được kết quả như sau:**

**1. Chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 17/NQ-CP**

- Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP với 21 chỉ tiêu, nhiệm vụ, tính đến tháng 01 năm 2025, An Giang đạt 19/21 chỉ tiêu, nhiệm vụ (đạt tỷ lệ 95,2%). 02 chỉ tiêu chưa đạt, bao gồm:

+ Dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử, tỷ lệ đạt 87,3%[[2]](#footnote-2).

+ Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử): đạt tỉ lệ 98,53%[[3]](#footnote-3).

**2. Tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 90%**

- Đối với sở, ban, ngành tỉnh cơ bản đạt 7/9 chỉ tiêu và UBND cấp huyện cơ bản đạt 8/10 chỉ tiêu đề ra. Hầu hết các cơ quan, địa phương vẫn chưa đạt chỉ tiêu về *“Dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử”* và *“Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử”*.

- Tính đến tháng 31/01/2025, tổng số cơ quan nhà nước cấp tỉnh hoàn thiện Chính quyền điện tử là 16/20[[4]](#footnote-4) cơ quan, tỷ lệ 80%. Đối với UBND cấp huyện thì hiện nay do địa phương tự thực hiện đánh giá, việc đánh giá cần thực hiện đến từng phòng, ban, xã, phường, thị trấn; trên cơ sở tổng hợp số liệu đánh giá của các địa phương thì hầu hết các địa phương còn chưa đạt chỉ tiêu *“Dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử”* và *“Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử”*.

**3. Một số nhiệm vụ, kết quả triển khai thực hiện:**

***a) Hạ tầng số:***

- Internet cáp quang tốc độ cao đã đến 100% trung tâm xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh; Internet di động băng rộng phủ sóng 100% khóm, ấp, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, tìm kiếm thông tin của người dân trong tỉnh.

-100% các khu công nghiệp, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện có kết nối internet phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN) và được kết nối mạng Internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước vận hành ổn định, thông suốt, đảm bảo dung lượng để phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị xử lý công việc trên môi trường mạng.

- Phổ cập điện thoại thông minh (smartphone): thuê bao điện thoại di động: 2.164.505; thuê bao băng rộng cố định: 424.495; tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng smartphone: 74,7%; tỷ lệ hộ gia đình có kết nối băng rộng cố định: 83,17%.

***b) Phát triển các nền tảng, hệ thống***: Các hệ thống phần mềm tập trung[[5]](#footnote-5) được triển khai thuê dịch vụ, đảm bảo tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn, an ninh của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh An Giang cung cấp đầy đủ thông tin TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và theo quy định của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Tính đến ngày 15/01/2025, hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cung cấp tổng số dịch vụ hành chính công (toàn bộ số lượng thủ tục hành chính của tỉnh): 2.168 dịch vụ công. Trong đó: Số lượng DVCTT một phần: 560 dịch vụ công; Số lượng DVCTT toàn trình: 1.313 dịch vụ công; Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trước hạn và đúng hạn: 86,4%. Hệ thống trả lời tự động thủ tục hành chính được duy trì và vận hành trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm hỗ trợ, giải đáp, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp 24/7 trong quá trình nộp và giải quyết hồ sơ TTHC.

- Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo điều hành (QLVBĐH): đáp ứng các quy trình nghiệp vụ quy định tại Quyết định 28/2018/QĐ-TTg, các quy trình quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành, đồng thời liên thông gửi nhận văn bản với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương thông qua Trục liên thông văn bản Quốc gia (VDXP), liên thông gửi nhận văn bản giữa các cơ quan, đơn vị trong tỉnh, góp phần triển khai thành công Chính quyền điện tử tỉnh và tích hợp chữ ký số.

- Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS): được triển khai thí điểm cho các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng giúp điện tử hóa, chuẩn hóa chế độ, biểu mẫu báo cáo của các cơ quan trên địa bàn tỉnh và kết nối, liên thông với Hệ thống báo cáo Chính phủ.

- Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh An Giang (LGSP): được đầu tư nâng cấp đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thực hiện kết nối liên thông dữ liệu giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với phần mềm, hệ thống nội bộ tỉnh[[6]](#footnote-6). Liên thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)[[7]](#footnote-7). Việc kết nối, liên thông được thực hiện thông qua Nền tảng NDXP đảm bảo tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh An Giang hiện hành.

- Triển khai thử nghiệm nền tảng giám định sinh vật gây hại trên cây trồng: Đã triển khai 4 trạm, cụ thể: vùng canh tác Xoài tại ấp Bình Trung, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới; vùng canh tác Sầu riêng tại ấp Bình Thạnh, xã Bình Chánh, huyện Châu Phú.; vùng canh tác Lúa tại ấp Tây Bình, xã Thoại Giang, huyện Thoại Sơn và ấp Tô Thủy, xã Núi Tô, huyện Tri Tôn.

- Cổng thông tin điện tử tỉnh được nâng cấp đáp ứng theo quy định[[8]](#footnote-8), đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và đã chuyển đổi sang công nghệ IPv6.

- Phát triển Cổng dữ liệu mở tỉnh An Giang[[9]](#footnote-9), thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu mở của các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh[[10]](#footnote-10) để cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng; số lượng cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cung cấp dữ liệu mở là 180/188[[11]](#footnote-11) cơ quan, đạt tỉ lệ 95,74%.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến[[12]](#footnote-12) phục vụ tốt công tác Hội nghị truyền hình trực tuyến từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp huyện. Hệ thống được triển khai theo hình thức thuê dịch vụ, nhiều địa phương đã đầu tư hệ thống đến cấp xã.

- Ứng dụng Hệ thống Phòng họp không giấy giúp các đơn vị sử dụng giảm bớt chi phí in ấn tài liệu, tăng hiệu suất thảo luận và giúp đạt được mục tiêu của cuộc họp nhanh chóng.

***c) Hồ sơ công việc*** tại cơ quan Nhà nước được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật) của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã lần lượt đạt tỷ lệ 98,7%, 99,19%, 99,6%.

***d) An toàn thông tin:*** Tỷ lệ hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước được xác định và phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ đến nay là 64/64 hệ thống, đạt 100% và hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng của doanh nghiệp Viettel An Giang triển khai trên địa bàn tỉnh đang được doanh nghiệp xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

***đ) Phát triển nguồn nhân lực:*** Hàng năm, tham mưu UBND tỉnh tổ chức các lớp về đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kỹ năng số, an toàn thông tin mạng; tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, kỹ năng phục vụ truyền thông trên Cổng/Trang TTĐT, mạng xã hội cho cán bộ phụ trách công tác truyền thanh cơ sở; các lớp phổ cập kỹ năng số trên nền tảng trực tuyến mở đại trà.

***e) Công tác truyền thông:*** tham mưu, triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính phủ điện tử.

**II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ**

Bên cạnh một số kết quả đạt được, việc triển khai hoàn thiện chính quyền điện tử trên địa bàn tỉnh thời gian qua vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

- Một số cơ quan, địa phương vẫn chưa đạt các chỉ tiêu về chính quyền điện tử, đặc biệt là tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử; dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử.

- Nguồn nhân lực công nghệ thông tin và an toàn thông tin còn hạn chế, cán bộ phụ trách chuyển đổi số ở các cơ quan, địa phương chủ yếu vẫn là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi vị trí công tác, dẫn đến việc triển khai nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn gặp những khó khăn nhất định.

- Công chức, viên chức thực hiện tiếp nhận, xử lý, trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa và văn thư cấp xã thường xuyên thay đổi, công tác bàn giao, cấp tài khoản, hướng dẫn sử dụng chưa kịp thời nên thao tác xử lý nghiệp vụ còn lúng túng chưa đảm bảo triển khai đúng quy đình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và phát hành 100% điện tử có ký số.

**III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

***Kính thưa Hội nghị!***

***Để tiếp tục hoàn thiện chính quyền điện tử tỉnh An Giang và hoàn thành mục tiêu tỷ lệ cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử đạt 90% trong năm 2025, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất một số giải pháp sau:***

1. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, địa phương sớm hoàn thiện chính quyền điện tử trong năm 2025, phấn đấu đạt mục tiêu 90% cơ quan Nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử.
2. Hướng dẫn cơ quan, địa phương cấu hình số hóa bắt buộc trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhằm đảm bảo đạt các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính quyền điện tử.
3. Cơ quan, địa phương[[13]](#footnote-13) chưa hoàn thiện chính quyền điện tử tiếp tục chủ động, khẩn trương rà soát và khắc phục các chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa đạt theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông. Trong đó, tập trung chỉ đạo, khắc phục 02 chỉ tiêu chưa đạt trong năm 2024 và đến tháng 01 năm 2025, bao gồm *((1) Dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; (2) Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử)*) và hoàn thiện trong tháng 5 năm 2025.
4. Đối với các cơ quan đã được đánh giá hoàn thiện chính quyền điện tử tiếp tục duy trì các tiêu chí đạt được trong năm 2025, nhằm hướng đến mục tiêu 90% cơ quan nhà nước hoàn thiện chính quyền điện tử trong năm 2025.
5. Cán bộ, công chức tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC tiếp tục thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên môi trường điện tử theo quy định; Bộ phận Một cửa các cấp bố trí nhân sự, đảm bảo trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác tiếp nhận, số hóa, giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân.
6. Thường xuyên rà soát, đảm bảo 100% văn bản điện tử phát hành trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh của các cơ quan, địa phương (bao gồm các đơn vị thuộc và trực thuộc) phải được ký số; thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin bảo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS) của tỉnh; 100% hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.
7. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, đồng thời phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng để hỗ trợ người dân tiếp cận, khai thác nền tảng số, nhất là dịch vụ công trực tuyến toàn trình.
8. Các ngành tiếp tục nghiên cứu, phối hợp các địa phương triển khai thực hiện các chính sách, mô hình nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp chủ động tham gia thực hiện và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ cá nhân, tổ chức giải quyết hồ sơ TTHC. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải thực sự tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến (nộp hồ sơ trực tuyến).
9. Tiếp tục rà soát, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ toàn trình, một phần của cơ quan, địa phương với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo danh mục được UBND tỉnh ban hành; Xây dựng, cập nhật đầy đủ các biểu mẫu điện tử tương tác, quy trình nội bộ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.
10. Đề nghị Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương rà soát, tham mưu UBND cấp huyện báo cáo đánh giá mức độ hoàn thiện chính quyền điện tử đến thời điểm tháng 02/2025 gửi về Sở Thông tin và Truyền thông tin để theo dõi, hỗ trợ, hướng dẫn hoàn thiện trong năm 2025.

Trên đây là báo cáo tham luận về **Kết quả triển khai hoàn thiện chính quyền điện tử của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang đến tháng 01 năm 2025*.***

Kính chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc, thành đạt! Kính chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

**SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG AN GIANG**

1. Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tổng số hồ sơ trả kết quả: 62.922 hồ sơ, tổng số hồ sơ cấp kết quả bản điện tử: 54.935 hồ sơ [↑](#footnote-ref-2)
3. Tháng 01 năm 2025, tổng số văn bản điện tử phát hành trên hệ thống phần mềm là 32.177/32.656 văn bản (trừ văn bản mật). [↑](#footnote-ref-3)
4. (1) Văn phòng UBND tỉnh, (2) Ban Dân tộc, (3) Ban Quản lý khu kinh tế, (4) Sở Công thương, (5) Sở Giáo dục và Đào tạo, (6) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (7) Sở Ngoại vụ, (8) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (9) Sở Tài chính, (10) Sở Tài nguyên và Môi trường, (11) Sở Thông tin và Truyền thông, (12) Sở Tư pháp, (13) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (14) Sở Xây dựng, (15) Thanh tra tỉnh, (16) Sở Khoa học và Công nghệ. [↑](#footnote-ref-4)
5. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin báo cáo, tổng hợp dữ liệu động (LRIS). [↑](#footnote-ref-5)
6. Phần mềm đăng ký hộ kinh doanh cá thể (Sở Kế hoạch và Đầu tư); Phần mềm quản lý TTHC ngành Tài nguyên môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường); [↑](#footnote-ref-6)
7. Phần mềm chuyên ngành Bộ Tư pháp (phần mềm cấp phiếu lý lịch Tư pháp, phần mềm đăng ký, quản lý Hộ tịch trực tuyến: Đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử); Phần mềm chuyên ngành Bộ Tài chính (cấp mã số cho đơn vị có quan hệ ngân sách, Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá); Bảo hiểm xã hội Việt Nam (khai thác cơ sở dữ liệu hộ gia đình tham gia BHXH); Bộ Kế hoạch đầu tư (thực hiện kết nối CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp); Hệ thống hỗ trợ thanh toán dịch vụ công trực tuyến toàn quốc (PayGov); Bộ Xây dựng (Hệ thống dịch vụ công thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua); Bộ Tài nguyên và Môi trường (Phần mềm VBDLIS, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung); Bộ Công an (Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến), Bộ Nội vụ (Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức), Bộ Giao thông vận tải (Hệ thống dịch vụ công lĩnh vực đường bộ). [↑](#footnote-ref-7)
8. Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng và Thông tư số 22/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cấu trúc, bố cục, yêu cầu kỹ thuật cho cổng thông tin điện tử và trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước [↑](#footnote-ref-8)
9. https://opendata.angiang.gov.vn/ [↑](#footnote-ref-9)
10. Quyết định số 1336/QĐ-UNBD ngày 18/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang [↑](#footnote-ref-10)
11. 188 cơ quan gồm: 21 sở, ngành tỉnh; 11 UBND cấp huyện; 156 UBND cấp xã. [↑](#footnote-ref-11)
12. Toàn tỉnh có 14 điểm cầu Hội nghị truyền hình trực tuyến (01 điểm cầu tại UBND tỉnh, 02 điểm cầu tại Sở Thông tin và Truyền thông (01 điểm cầu tại Trung tâm CNTT&TT và 01 điểm cầu tại Sở TTTT), 11 điểm cầu tại UBND cấp huyện) [↑](#footnote-ref-12)
13. (1) Sở Giao thông Vận tải, (2) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, (3) Sở Nội vụ, (4) Sở Y tế và (5) 11 huyện, thị xã, thành phố [↑](#footnote-ref-13)